

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh
nghiệp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tại Công văn số 1137/BCĐĐM&PTDN
ngày 03/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm
2024 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tiền Giang, với những nội
dung chính như sau:

1. Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2024:

- Đảm bảo chất lượng và sản lượng nước cấp cho người dân. Tỷ lệ phục
vụ 99,77% hộ dân ở đô thị và 96,75% hộ dân ở nông thôn trong vùng phục vụ
của Công ty.

- Đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền nước. Trong đó tỷ lệ thu tiền
nước không dùng tiền mặt qua các ngân hàng, trung tâm thanh toán trung gian,
mạng viễn thông với tỷ lệ dự kiến là 30%.

- Tỷ lệ thất thoát nước đảm bảo theo lộ trình của Chính phủ.

2. Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2024:

a) Chỉ tiêu sản lượng nước chủ yếu:

- Sản lượng nước máy sản xuất: 57.665.652 m³, tăng 0,95%. Trong đó: sản lượng tiếp nhận nước từ Nhà máy nước Đồng Tâm không thấp hơn 19.929.000 m³, tăng 1,84%; sản lượng tiếp nhận nước từ Nhà máy nước Hòa Hưng 1.460.000 m³, tăng 2,46%.

- Sản lượng nước máy tiêu thụ: 48.477.858 m³, tăng 2%.

- Tỷ lệ thất thoát nước: 15,93%.

b) Chỉ tiêu tài chính:

- Tổng doanh thu: 468,719 tỷ đồng, tăng 17,17%. Trong đó doanh thu từ hoạt động cấp nước: 462,124 tỷ đồng, tăng 18,02%.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 23,804 tỷ đồng, tăng 11,46%. Trong đó lợi nhuận từ sản xuất nước: 22,92 tỷ đồng, tăng 17,7%.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 19,043 tỷ đồng, tăng 18,46%.

- Thuế và các khoản nộp ngân sách: 25 tỷ đồng, tăng 58,04%.

- Vốn Chủ sở hữu: 594,896 tỷ đồng, tương đương năm 2023 .

c) Kế hoạch đầu tư: 90 tỷ đồng (35 công trình), tăng 91,27%. Trong đó gồm:

(Chi tiết theo danh mục đầu tư năm 2024 đính kèm Phụ lục II, III).

d) Tổng lao động: 471 người, tăng 21 người. Trong đó, lao động hoạt động sản xuất nước: 441 người, tăng 20 người.

đ) Tổng quỹ lương: 78,79 tỷ đồng, giảm 3,6%. Trong đó, tổng quỹ lương người lao động: 77,321 tỷ đồng, giảm 4,0%.

3. Các giải pháp thực hiện:

a) Giải pháp về tài chính:

- Thực hiện chức năng giám sát tài chính, tăng cường kiểm soát nội bộ, xây dựng kế hoạch tài chính, tiền lương. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thu, chi, công nợ tại các chi nhánh cấp nước. Công khai, minh bạch kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện tốt pháp luật về thuế, kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời các loại thuế, phí theo quy định. Chủ động phối hợp, đề xuất với cơ quan thuế các vướng mắc phát sinh về chính sách thuế đối với Công ty.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ về kế toán, quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

- Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vốn đầu tư, Công ty xây dựng kế hoạch sử dụng vốn, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi trong lĩnh vực cấp nước và nguồn vốn xã hội hóa. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Có giải pháp tiết kiệm chi phí từ hoạt động cấp nước.

b) Công tác sản xuất, chất lượng nước:

- Đầu tư nâng cao công suất phát nước ở các địa bàn Mỹ Tho, Cái Bè, Cai Lậy, Gò Công Tây, Tân Phú Đông. Các tuyến ống chuyên tải, phân phối, đảm bảo cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, nhất là các khu, cụm công nghiệp, đầu tư đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ đô thị, nông thôn, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra công tác vận hành, an toàn vệ sinh lao động tại các chi nhánh. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quy trình vận hành. Trang bị hoàn chỉnh các thiết bị bảo vệ an toàn trong vận hành, rò rỉ hóa chất...

- Ưu tiên trang bị thiết bị giám sát camera, thiết bị truyền tín hiệu ở khu vực xa, nhân viên ít.

- Thường xuyên kiểm tra, đảm bảo chất lượng nước phát ra mạng. Tiếp cận và thử nghiệm các mô hình xử lý tiên tiến. Theo dõi, nghiên cứu khử chất hữu cơ bằng vật liệu lọc nhân tạo, lọc nhiều cấp.

- Thực hiện nghiêm chương trình quốc gia về chống thất thoát nước của Chính phủ. Tổ chức thực hiện đề án chống thất thoát nước đã được thông qua. Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và mang tính khả thi cao, từng bước thực hiện cấp nước an toàn.

- Hiện đại hóa công tác chống thất thoát nước, trang bị hệ thống dò tìm rò rỉ theo hệ thống ống và cụm đồng hồ, thực hiện phân vùng tách mạng,...

- Từng bước chuẩn hóa hệ thống tuyến ống cấp 3 khu vực nông thôn, thay dần ống PVC bằng ống HDPE; chuẩn hóa cụm đồng hồ; di dời tất cả các cụm đồng hồ ra vị trí thuận lợi dễ quản lý. Thực hiện công tác thay đồng hồ định kỳ đúng hạn.

- Đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất: hệ thống giám sát vận hành, giám sát chất lượng nước; lắp đặt hệ thống SCADA truyền dữ liệu sản lượng nước về trung tâm. Tiếp cận và thử nghiệm các mô hình xử lý nước tiên tiến; theo dõi, nghiên cứu khử chất hữu cơ bằng vật liệu lọc nhân tạo.

c) Công tác kinh doanh:

- Tổ chức thực hiện các bước tuyên truyền trước khi tăng giá nước nhằm tạo sự đồng thuận của khách hàng.

- Nghiên cứu triển khai ứng dụng có kết quả các phần mềm quản lý kỹ thuật, lao động, kế toán, chăm sóc khách hàng, theo hướng số hóa, nâng cao năng suất, hiệu quả quản lý.

- Công tác phát triển khách hàng, tăng sản lượng ghi thu:

+ Tập trung đầu tư các tuyến ống nhằm phát triển khách hàng mới theo nguồn lực hiện có của Công ty. Ưu tiên các huyện phía Tây, phía Đông và các vùng chưa có nước.

+ Triển khai mở rộng thêm mô hình một cửa về công tác nâng dùi, thay val, thay đồng hồ.

- + Phát huy mô hình xã hội hóa cấp nước. Đặc biệt khu vực phía Đông của tỉnh.
- + Sàng lọc, kiểm tra, khảo sát và chỉ lắp đặt đồng hồ nước cho những khách hàng thật sự có nhu cầu sử dụng nước.
- + Hạn chế tối đa các trường hợp lắp đặt đồng hồ nhưng không sử dụng.
- + Đẩy nhanh công tác thỏa thuận vùng cấp nước để Công ty cung cấp nước cho các Khu công nghiệp, nhất là Khu công nghiệp ở vùng Đông Nam Tân Phước, Khu công nghiệp Bình Đông và sớm thực hiện cơ chế xã hội hóa công trình cấp nước.
- + Tiếp tục phát triển mạng lưới cấp nước vào các khu vực khó khăn bằng hình thức xã hội hóa nhằm tăng lượng khách hàng.
- Hiện đại hóa công tác ghi thu, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập:
- + Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong ghi thu tiền nước như xây dựng các App ghi, App thu và từng bước nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng tổng thể, số hóa hồ sơ khách hàng, sử dụng các dataloger kiểm soát lưu lượng, áp lực đầu nguồn, tại phân khu mạng lưới, kiểm soát tốt áp lực mạng lưới trong vận hành chống thất thoát nước.
- + Phối hợp với các đơn vị thực hiện thu hộ hóa đơn tiền nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện mô hình không thu tiền tại nhà khách hàng tại thành phố, các thị xã, thị trấn phấn đấu đến hết năm 2024 có trên 30% hộ gia đình trên địa bàn thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.
- Nâng cao chất lượng dịch khách hàng:
- + Thực hiện điều độ vận hành nhà máy, trạm cấp nước, hệ thống ống chuyên tải, phân phối đáp ứng nhu cầu dùng nước đầy đủ, liên tục, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng trong thanh toán tiền nước, cập nhật thay đổi thông tin khách hàng, dịch vụ cắt, mở nước, lắp đặt mới, thay đồng hồ, các sự cố mất nước,...
- + Đơn giản hóa các thủ tục và rút ngắn thời gian lắp đặt đồng hồ nước. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại khách hàng, giải quyết ngay các trường hợp áp lực nước yếu hoặc khách hàng có nhu cầu gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng.
- + Hiện đại hóa dịch vụ chăm sóc khách hàng, từng bước hoàn thiện trung tâm chăm sóc khách hàng; tiếp tục tập huấn nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp khách hàng, phát huy và quảng bá văn hóa doanh nghiệp.
- Công tác thanh tra, kiểm tra:
- + Tiếp tục thực hiện kiểm tra định mức nước, kiểm tra mục đích sử dụng nước nhằm tăng doanh thu.
- + Tiến hành công tác kiểm tra việc thực nội quy lao động tại các chi nhánh cấp nước.
- + Tăng cường công tác kiểm tra các cụm đồng hồ không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, khó quản lý, tiến tới chuẩn hóa cụm đồng hồ tại khu vực nông thôn.
- + Tăng cường công tác kiểm tra nội nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hợp đồng cấp nước.

- Mở rộng mạng lưới cấp nước ở các vùng lõm nhằm nâng cao sản lượng dự kiến, phân đầu sản lượng ghi thu sẽ tăng thêm 1% so với kế hoạch ban đầu.

d) Công tác quản lý, sử dụng lao động:

- Sắp xếp, bố trí lực lượng lao động hợp lý, nâng cao năng suất lao động. Bố trí đảm bảo lực lượng lao động trực tiếp cho các công tác vận hành, sửa chữa ống bê, ghi thu,... giảm bớt lực lượng lao động gián tiếp.

- Xây dựng phương án lao động theo hướng tinh giản lao động theo chiều hướng tích cực, hiệu quả bằng nhiều giải pháp, gắn với kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm, nhất là việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong hoạt động ghi thu tiền nước, vận hành, chống thất thoát nước.

- Tiếp tục đầu tư tuyến ống đầu nối hệ thống nước mặt vào các trạm cấp nước độc lập để giảm bớt lao động vận hành.

- Giảm tầng nấc quản lý trung gian, phát huy tổ nghiệp vụ trực thuộc các chi nhánh cấp nước, tập trung lực lượng để tăng năng suất, hiệu quả trong quản lý, thực hiện các công tác chuyên môn, kỹ thuật, thi công chung cho toàn chi nhánh.

- Thực hiện thuê ngoài đối với các công việc mang tính chất phổ thông trong thi công các công trình cấp nước như đào, lấp đất,...

- Sắp xếp, điều chuyển một số lực lượng lao động gián tiếp sang lực lượng trực tiếp.

- Đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động theo yêu cầu công việc ngày càng nâng cao chất lượng.

đ) Công tác cơ cấu lại doanh nghiệp:

Năm 2024, Công ty tiếp tục xây dựng hoàn thiện và trình phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và Phương án sử dụng đất đảm bảo sử dụng hiệu quả, hợp lý và đúng quy định.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Tiền Giang giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tiền Giang có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai và công bố thông tin Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 được phê duyệt theo đúng quy định; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại Công ty đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tuyển dụng thêm lao động khi thật sự cần thiết, đúng theo nhu cầu tuyển dụng.

2. Rà soát, nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển và tạo thuận lợi cho hoạt động của Công ty.

3. Các dự án, công trình đầu tư phát triển phải triển khai thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, giám sát theo quy định.

4. Chấp hành quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đầu tư, xây dựng; về nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác; việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra; quy định về chế độ, chính sách. Không có những hành vi thực hiện sai, bỏ sót, thực hiện không kịp thời hoặc không thực hiện.

5. Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện và đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về các thông tin, số liệu Công ty đã báo cáo tại Công văn số 519/CNTG-KHKD ngày 23/4/2024 kèm Kế hoạch số 518/KH-CNTG về sản xuất kinh doanh năm 2024, Công văn số 520/CNTG-KTh ngày 23/4/2024, Công văn số 521/CNTG-KTh ngày 23/4/2024, Công văn số 522/CNTG-KTh ngày 23/4/2024, Danh mục dự án đầu tư năm 2024, Báo cáo số 139/BC-CNTG ngày 29/01/2024 và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024.

8. Khẩn trương hoàn chỉnh và trình phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (*trong đó đính kèm danh mục dự án*).

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 3. Trưởng ban Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) tại Công ty có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thị, thành theo chức năng, nhiệm vụ của mình tạo điều kiện hỗ trợ, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tiền Giang; kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và Trưởng ban Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

(Đính kèm các Phụ lục)

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP,
Phòng KT (Tâm, Luân);
- Lưu: VT, (Tú).

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

**PHỤ LỤC I: CHỈ TIÊU SẢN XUẤT, KINH DOANH CHỦ YẾU NĂM 2024 CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG.**

(Kèm theo Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 03./5./2024 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	TH 2023	KH 2024	TH 2023/ KH 2023 (%)	KH 2024/ TH 2023 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Sản lượng, sản phẩm chủ yếu						
1	Sản lượng phát nước	1.000 m ³	56.606	57.125	57.666	100,92	100,95
a)	Sản lượng nhận từ Nhà máy nước Đồng Tâm	1.000 m ³	19.538	19.568	19.929	100,15	101,84
b)	Sản lượng nhận từ Nhà máy nước Hòa Hưng	1.000 m ³	1.314	1.425	1.460	108,45	102,46
c)	Sản lượng nước tự sản xuất	1.000 m ³	35.754	36.132	36.277	101,06	100,40
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	47.058	47.527	48.478	101,00	102,00
3	Tỷ lệ thất thoát	%	16.87	16.8	15.93	-0,07	-0,6
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	393.732	400.020	468.719	101,60	117,17
	<i>Tr.đó: doanh thu từ hoạt động cấp nước.</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>387.232</i>	<i>391.559</i>	<i>462.124</i>	<i>101,12</i>	<i>118,02</i>
	<i>- Doanh thu khác</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>6.500</i>	<i>8.461</i>	<i>6.595</i>	<i>130,17</i>	<i>77,95</i>
2	Tổng chi phí.	Tr.đ	382.850	378.664	444.915	98,91	117,50
	<i>Tr.đó : từ hoạt động cấp nước</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>377.190</i>	<i>372.090</i>	<i>439.204</i>	<i>98,65</i>	<i>118,04</i>
	<i>-chi phí từ hoạt động khác</i>		<i>5.660</i>	<i>6.574</i>	<i>5.711</i>	<i>116,15</i>	<i>86,87</i>
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	10.882	21.356	23.804	196,25	111,46
	<i>Tr.đó: - Lợi nhuận từ sản xuất nước</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>10.042</i>	<i>19.469</i>	<i>22.920</i>	<i>193,87</i>	<i>117,73</i>
	<i>- Lợi nhuận khác</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>840</i>	<i>1.887</i>	<i>884</i>	<i>224,64</i>	<i>46,85</i>
4	Thuế và các khoản nộp NS	Tr.đ	22.000	15.819	25.000	71,90	158,04
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	8.705	16.076	19.043	184,68	118,46
6	Vốn CSH	Tr.đ	568.285	594.896	594.896	104,68	100,00
III	Kế hoạch đầu tư	Tr.đ	60.000	47.053	90.000	78,42	191,27
	<i>Tr.đó: - Vốn đầu tư từ NS</i>	<i>Tr.đ</i>					
	<i>- Vốn vay</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>35.000</i>	<i>1.844</i>	<i>35.000</i>	<i>5,27</i>	
	<i>- Vốn khác</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>25.000</i>	<i>45.209</i>	<i>55.000</i>	<i>180,84</i>	
IV	Tổng lao động	Người	476	450	471	94,54	104,67
	<i>Tr.đó: Lao động từ SX nước</i>	Người	433	421	441	97,23	104,75
V	Tổng quỹ lương	Tr.đ	76.544	81.538	78.790	106,52	96,63
	<i>Tr.đó: Quỹ lương người lao động</i>	Tr.đ	<i>75.489</i>	<i>80.320</i>	<i>77.321</i>	<i>106,40</i>	<i>96,27</i>

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	TỔNG GIÁ TRỊ (Triệu đồng)	SỐ C.TRÌNH	GHI CHÚ
I	ĐANG THỰC HIỆN 2023 CHUYỂN TIẾP 2024	41.004	13	
1	Công trình UBND tỉnh (Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 22/6/2023)	10.727	3	Phụ lục II.1
2	Công trình di dời nâng cấp Công ty phê duyệt đang thi công 2023 chuyển tiếp 2024	19.732	8	Phụ lục II.2
3	Công trình lắp đặt quan trắc giếng khoan Công ty phê duyệt đang thi công 2023 chuyển tiếp 2024	10.545	2	Phụ lục II.3
II	CHỦ TRƯỞNG DUYỆT 2023 DUYỆT LẠI 2024	14.200	7	
1	Công trình UBND tỉnh (Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 22/6/2023)	7.600	3	Phụ lục II.4
2	Công trình sửa chữa di dời nâng cấp Công ty phê duyệt 2023 duyệt lại 2024	6.600	4	Phụ lục II.5
III	CHỦ TRƯỞNG năm 2024 theo KH số 435/KH-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh	31.866	14	Phụ lục II.6
IV	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN BỔ SUNG MỚI NĂM 2024	1.700	1	Phụ lục II.7
V	CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC VÙNG LỒM	1.230	2	Phụ lục II.8
	TỔNG CỘNG	90.000	37	

PHỤ LỤC II.1: CÔNG TRÌNH TRÌNH UBND TỈNH PHÊ DUYỆT CHUYÊN TIẾP NĂM 2024
(QUYẾT ĐỊNH SỐ 1394/QĐ-UBND 22/6/2023)

(Kèm theo Quyết định số 7.98/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh)

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Tuyến ống cấp nước D160, D63 HDPE dọc theo phía nam đường sông Cổ Chi đoạn từ cầu Cổ Chi đến đường tỉnh 866B, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, xã Tân Hội Đông, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành	Dọc theo phía nam đường sông Cổ Chi đoạn từ cầu Cổ Chi đến đường tỉnh 866B, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước xã Tân Hội Đông, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành.	Ống D160 L= 4200 m, D63 L=1300m, và phụ kiện chi tiết kèm theo	2.457	03/2024	Đang quyết toán trong quý I năm 2024
2	Xây dựng hồ lắng bùn, sân phơi bùn, hàng rào, công rào, chống thấm bê chứa, sửa mái che bể chứa trạm cấp nước Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành.	Trạm cấp nước Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành.	Xây dựng hồ lắng bùn, sân phơi bùn, hàng rào, công rào	470	03/2024	Đang quyết toán trong quý I năm 2024
3	Mua sắm thủy lượng kế phục vụ quan trắc tự động cho các giếng khoan tại các trạm cấp nước ngầm	Các giếng khoan tại các trạm cấp nước ngầm	Thủy lượng kế phục vụ quan trắc tự động	7.800	03/2024	Mua sắm vật tư

PHỤ LỤC II.2: CÔNG TRÌNH DI DỜI NÂNG CẤP CÔNG TY PHÊ DUYỆT ĐANG THI CÔNG 2023 CHUYỂN TIẾP 2024

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Tuyến ống D160, D110 HDPE đường tỉnh 870 đoạn từ ngã ba đường vào trại rấn Đòng Tâm đến ngã 4 Đòng Tâm, xã Thạnh Phú, Châu Thành và xã Phước Thạnh, TP Mỹ Tho.	Đoạn từ ngã ba đường vào trại rấn Đòng Tâm đến ngã 4 Đòng Tâm, xã Thạnh Phú, Châu Thành và xã Phước Thạnh, TP Mỹ Tho.	Ống HDPE D160: 4379 m, Ống HDPE D110: 3604 m và phụ kiện đầu nối chi tiết kèm theo	4.311	9/2024	
2	Tuyến ống cấp nước D200, D63 HDPE phía bắc Quốc lộ 50 (đoạn từ Chùa Thanh Quang-Km80+700m đến đường Nguyễn Trung Trực-Km84+380m) phường 9 và xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho	phía bắc Quốc lộ 50 (đoạn từ Chùa Thanh Quang-Km80+700m đến đường Nguyễn Trung Trực-Km84+380m) phường 9 và xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho	Ống D200 HDPE, L=1.100 m Ống D63 HDPE, L=1.100 m	1.651	6/2024	
3	Tuyến ống cấp nước HDPE D63 đường đèo Bờ Bắc Ông Bích, ấp 3 và ấp 4, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè	đường đèo Bờ Bắc Ông Bích, ấp 3 và ấp 4, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè	Ống HDPE D63 L=1.380m và phụ kiện kèm theo	280	6/2024	
4	Tuyến ống cấp nước HDPE D63 đường đèo Tỏ 7, ấp Hòa Quí, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè.	đường đèo Tỏ 7, ấp Hòa Quí, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè.	Ống HDPE D63 L=820m và phụ kiện kèm theo	206	6/2024	

5	Trạm biến áp 3 pha 22,4 KV – 3x15 KVA bơm nước thô trạm cấp nước Tân Hưng		biến áp 3 pha 22,4 KV – 3x15 KVA	230	6/2024	
6	Tuyến ống chuyển tải nước thô HDPE D315 đường Đông Rạch Ruộng đoạn từ Trạm cấp nước Tân Hưng đến cầu Bờ Tre, ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè.	đường Đông Rạch Ruộng đoạn từ Trạm cấp nước Tân Hưng đến cầu Bờ Tre, ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè	Ống HDPE D315 L=1.000m và phụ kiện kèm theo	3.093	6/2024	
7	Di dời, cải tạo mở rộng tuyến ống cấp nước HDPE D160+63 phía Bắc đường Đoàn Thị Nghiệp (Đoạn từ đường Nguyễn Thị Thập đến cầu Kênh Mới và đường Nguyễn Thị Thập đến cầu Kênh Mới và Đoạn từ cầu Rạch Cái Ngang đến Tỉnh lộ 870B), Phường 10 - Cái Ngang đến Tỉnh lộ 870B), Phường 10 - Trung An, Thành phố Mỹ Tho.	phía Bắc đường Đoàn Thị Nghiệp (Đoạn từ đường Nguyễn Thị Thập đến cầu Kênh Mới và Đoạn từ cầu Rạch Cái Ngang đến Tỉnh lộ 870B), Phường 10 - Trung An, Thành phố Mỹ Tho.	Ống HDPE D160 L=1.500m, D63 L=1.200m và phụ kiện kèm theo	1.536	9/2024	
8	Nâng cấp, Cải tạo nâng công suất Cụm xử lý nước lên 2000 m ³ /ngày đêm - Trạm cấp nước Tân Hưng - xã Tân Hưng, huyện Cái Bè.	Trạm cấp nước Tân Hưng	Nâng cấp, Cải tạo nâng công suất Cụm xử lý nước lên 2000 m ³ /ngày đêm	8.426	3/2024	

PHỤ LỤC II.3: CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT QUAN TRẮC GIẾNG KHOAN ĐANG THỰC HIỆN 2023 CHUYỂN TIẾP 2024

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Lắp đặt quan trắc tự động cho các giếng khoan tại các trạm cấp nước ngầm có lưu lượng $200 \leq Q < 1000$ m ³ /ngày đêm		Lưu lượng $200 \leq Q < 1000$ m ³ /ngày đêm	5.516	3/2024	
2	Lắp đặt quan trắc tự động cho các giếng khoan tại các trạm cấp nước ngầm có lưu lượng $1000 \leq Q < 3000$ m ³ /ngày đêm		Lưu lượng $1000 \leq Q < 3000$ m ³ /ngày đêm	5.029	3/2024	

**PHỤ LỤC II.4: CÔNG TRÌNH TRÌNH UBND TỈNH PHÊ DUYỆT NĂM 2023 CHƯA THỰC HIỆN CHUYÊN 2024 DUYỆT LẠI
(QUYẾT ĐỊNH 1394/QĐ-UBND NGÀY 22/6/2033)**

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Tuyến ống cấp nước HDPE D200 D160 Đường huyện 75 đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Vàm Trà Lọt, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè	Đường huyện 75 đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Vàm Trà Lọt, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè	Ống HDPE D160 L= 4.300 m, D200 L=400m	3.000	9/2024	
2	Tuyến ống cấp nước D160 HDPE dọc theo đường Nam kênh Hóc Lựu đoạn từ cầu Mới đến công Ba Cà, ấp Tân Bình 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo.	Đường Nam kênh Hóc Lựu đoạn từ cầu Mới đến công Ba Cà, ấp Tân Bình 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo.	Ống HDPE D160 L=1.500 m, và phụ kiện chi tiết kèm theo	1.400	12/2024	
3	Tuyến ống cấp nước D200, D63 HDPE dọc theo đường huyện 26B đoạn từ chợ Tân Thuận Bình đến đường tỉnh 879D, ấp Tân Bình 2B, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo.	Đường huyện 26B đoạn từ chợ Tân Thuận Bình đến đường tỉnh 879D, ấp Tân Bình 2B, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo.	Ống HDPE D200 L = 2.500m, D63 L=2.500m, và phụ kiện chi tiết kèm theo	3.200	12/2024	

PHỤ LỤC II.5: CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA DI DÒI NÂNG CẤP CÔNG TY DUYỆT 2023 DUYỆT LẠI 2024

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Di dời trạm bơm nước thô trạm cấp nước Kim Sơn, và tuyến ống cấp nước sạch HDPE D160 - D63 khu vực chợ Rạch Gâm, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành	Trạm bơm nước thô trạm cấp nước Kim Sơn, và tuyến ống cấp nước sạch HDPE D160 - D63 khu vực chợ Rạch Gâm, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành	Ống HDPE D160 L= 600m; ống HDPE D63 L= 200m và phụ kiện đi dòi	800	3/2024	
2	Cải tạo mở rộng văn phòng Chi nhánh cấp nước phía Tây, thị xã Cai Lậy.	Văn phòng Chi nhánh cấp nước phía Tây, thị xã Cai Lậy.	Cải tạo mở rộng văn phòng Chi nhánh cấp nước phía Tây, thị xã Cai Lậy.	900	3/2024	
3	Di dời, Cải tạo tuyến ống cấp nước PVC D220 đường cấp kênh Chợ Gạo đoạn từ đường Hồ Tấn Minh đến cầu đường Hồ Tấn Minh đến cầu Chợ Gạo cũ, thị trấn Chợ Gạo cũ, huyện Chợ Gạo.	Đường cấp kênh Chợ Gạo đoạn từ đường Hồ Tấn Minh đến cầu Chợ Gạo cũ, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo.	Ống PVC D220 L= 320 m và phụ kiện đầu nối chi tiết kèm theo	400	3/2024	
4	Cải tạo nâng cấp tuyến ống cấp nước PVC thành HDPE D160, D63 dọc hai bên đường Kênh Thầy Lực đoạn từ cầu Kênh Năng 2 đến đường DAP, ấp 4, xã Tân Lập, huyện Tân Phước.	Dọc hai bên đường Kênh Thầy Lực đoạn từ cầu Kênh Năng 2 đến đường DAP, ấp 4, xã Tân Lập, huyện Tân Phước.	Ống HDPE D160 L= 2800m, D63 L= 3700m và phụ kiện đầu nối kèm theo	4.500	9/2024	

PHỤ LỤC II.6: CÔNG TRÌNH THEO KẾ HOẠCH 435/KH-UBND NGÀY 17/10/2023 CỦA UBND TỈNH

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Tuyến ống cấp nước HDPE D63 các hẻm dân đường xẻo mây đoạn từ Khu 2 thị trấn Cái Bè đến ấp Hòa Quý, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè.	Các hẻm dân đường xẻo mây đoạn từ Khu 2 thị trấn Cái Bè đến ấp Hòa Quý, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè.	ống D63 HDPE, L = 2.800m.	760	12/2024	Số 1, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lõm, dự kiến cấp cho 200 hộ."
2	Tuyến ống cấp nước HDPE D63 đường Hai Thương nói dài đoạn từ đường tỉnh 877B đến hộ Lê Thị Cẩm Oanh, ấp Phú Hữu, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông.	Đường Hai Thương nói dài đoạn từ đường tỉnh 877B đến hộ Lê Thị Cẩm Oanh, ấp Phú Hữu, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông.	HDPE D63, L=1200m	330	12/2024	Số 7, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lõm, dự kiến cấp cho 150 hộ."
3	Nâng cấp tuyến ống cấp nước HDPE D110 đường cấp đê Tân Thành từ ĐT.862 hướng về công Rạch Bùn kênh 3, Gò Công Đông.	Đường cấp đê Tân Thành từ ĐT.862 hướng về công Rạch Bùn kênh 3, Gò Công Đông.	HDPE D110, L=1000m	550	12/2024	Số 15, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lõm, dự kiến cấp cho 300 hộ."
4	Tuyến ống cấp nước HDPE D110 đường huyện 66 đoạn từ Cầu Chà Là - Mỹ Thành Nam đến ranh xã Thạnh Lộc - H. Cai Lậy	Đường huyện 66 đoạn từ Cầu Chà Là - Mỹ Thành Nam đến ranh xã Thạnh Lộc - H. Cai Lậy	Ống HDPE D110, L = 3.300m.	1.800	12/2024	Số 16, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lõm, dự kiến cấp cho 200 hộ"

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
5	Tuyến ống cấp nước D160 HDPE, 110 HDPE đường huyện 01(đoạn từ ngã tư Tân Phước đến đường tỉnh 871B) xã Tân Phước, H. Gò Công Đông (Điều chỉnh: Tuyến ống cấp nước D160 HDPE HDPE đường huyện 01(đoạn từ ngã tư Tân Phước đến đường tỉnh 871B) xã Tân Phước, H. Gò Công Đông)	Đường huyện 01(đoạn từ ngã tư Tân Phước đến đường tỉnh 871B) xã Tân Phước, H. Gò Công Đông	Ống HDPE 160, L= 2900 m , Ống HDPE D110 - L=2.900m (Điều chỉnh Ống HDPE 160 L= 2.900m).	2.500	12/2024	Số 24, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lôm, dự kiến cấp cho 150 hộ." Điều chỉnh giảm giá trị từ 4.200 triệu đồng còn 2.500 triệu đồng, năm 2025 bố trí vốn phân còn lại
6	Nâng cấp tuyến ống chuyển tải cấp nước HDPE 315 Đường Quốc lộ 1 đoạn từ trạm giếng Hòa Hưng - Cầu Rạch giồng - H. Cái Bè	Đường Quốc lộ 1 đoạn từ trạm giếng Hòa Hưng - Cầu Rạch giồng - H. Cái Bè	HDPE D315, L = 1.150 m. HDPE D63, L = 1.080m	3.800	12/2024	Số 25, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "Nâng cấp tuyến ống tải tiếp nhận nước từ nhà máy nước Hòa Hưng, để cung cấp nước cho các hộ dân dọc tuyến hiện hữu."
7	Tuyến ống cấp nước D160 HDPE tuyến tránh Quốc lộ 1 TX. Cai Lậy (đoạn từ cầu Ba Rài đến ngã tư ĐT.868, xã Thanh Hòa - TX. Cai Lậy).	Tuyến tránh Quốc lộ 1 TX. Cai Lậy (đoạn từ cầu Ba Rài đến ngã tư ĐT.868, xã Thanh Hòa - TX. Cai Lậy).	L = 3.000m, HDPE D160.	2.800	12/2024	Số 28, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "Tuyến ống tải chính bổ cấp nguồn từ trạm cấp nước Thanh Hòa 1 và trạm cấp nước Thanh Hòa 2, và cấp nước cho người dân trên tuyến, dự kiến cấp cho 100 hộ."

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
8	Tuyến ống cấp nước HDPE D160, D110 L=6000m đường Nam kênh 14 (đoạn từ cầu xóm Thủ đến cuối xóm Thủ Bình Tân xã Long Bình huyện Gò Công Tây).	Đường Nam kênh 14 (đoạn từ cầu xóm Thủ Bình Tân đến cuối kênh tiếp nước xã Long Bình) ấp Xóm Thủ xã Bình Tân, xã Long Bình huyện Gò Công Tây.	HDPE D160, D110 L=6000m (Điều chỉnh L= 5000m)	4.000	12/2024	Số 30, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: " <i>Cấp nước vùng lôm, dự kiến cấp cho 100 hộ</i> ". Điều chỉnh giảm giá trị từ 4.500 triệu đồng giảm còn 4.000 triệu đồng.
9	Tuyến ống cấp nước HDPE D110, D63 L=4000m đường Hội Đồng đoạn từ ngã tư Lợi An- đường huyện 19 đến cuối huyện (nhà Hội Đồng Lực), 03 tuyến nhánh xã Bình Tân huyện Gò Công Tây.	Đường Hội Đồng đoạn từ ngã tư Lợi An- đường huyện 19 đến cuối tuyến (nhà Hội Đồng Lực), 03 tuyến nhánh xã Bình Tân huyện Gò Công Tây.	HDPE D110, D63 L=4000m (Điều chỉnh L= 1000m và phụ kiện đầu nối)	1.000	12/2024	Số 31, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: " <i>Cấp nước vùng lôm, dự kiến cấp cho 100 hộ</i> ". Điều chỉnh giảm giá trị từ 2.200 triệu đồng giảm còn 1.000 triệu đồng.
10	Tuyến ống cấp nước HDPE D160 dọc hai bên đường 871B L=5,5km (điểm đầu giáp Quốc lộ 50, điểm cuối cầu Vàm Tháp thuộc xã Tân Trung, thị xã Gò Công).	Dọc hai bên đường 871B L=5,5km (điểm đầu giáp Quốc lộ 50, điểm cuối cầu Vàm Tháp thuộc xã Tân Trung, thị xã Gò Công).	Ống HDPE D160 L=11km (Điều chỉnh L= 5.500m và phụ kiện đầu nối)	2.920	12/2024	Số 32, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: " <i>Theo yêu cầu của UBND thị xã Gò Công cấp nước cho người dân dọc 2 bên tuyến, dự kiến cấp cho 90 hộ</i> ". Điều chỉnh tăng giá trị từ 2.800 triệu đồng tăng thành 2.920 triệu đồng.

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
11	Khoan giếng tằn sâu Công suất 60m ³ /giờ trạm cấp nước Tân Hội, thị xã Cai Lậy (Tân Hội 2).	Trạm cấp nước Tân Hội, thị xã Cai Lậy (Tân Hội 2).	Công suất 60m ³ /giờ	1.400	9/2024	Số 12, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND: "khoan giếng bổ sung nguồn". Điều chỉnh tăng giá trị từ 1.200 triệu đồng tăng thành 1.400 triệu đồng. Theo đơn giá nhân công mới Quyết định số 317/QĐ-SXD ngày 27/12/2023, máy thi công mới Quyết định số 318/QĐ-SXD ngày 27/12/2023.
12	Lắp bơm, biến tằn, đường ống kỹ thuật, bể lọc áp lực công suất 60 m ³ /giờ trạm giếng Tân Hội, thị xã Cai Lậy (Tân Hội 2).	Trạm giếng Tân Hội, thị xã Cai Lậy (Tân Hội 2).	Lắp đặt bơm chìm, biến tằn, bồn lọc áp lực, Đường ống kỹ thuật công suất 60 m ³ /h (Điều chỉnh: Lắp đặt bơm chìm, biến tằn, đường ống kỹ thuật công suất 60 m ³ /h)	400	9/2024	Số 13, phụ lục 6, Kh 435//KH-UBND, Lắp bơm cho giếng khoan. Điều chỉnh giảm giá trị từ 1.200 triệu đồng còn 400 triệu đồng.

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
13	Giếng khoan công suất 60m ³ /giờ, hệ thống lọc áp lực xử lý Asen, sắt công suất 60m ³ /giờ, móng bồn lọc, hệ thống thoát nước trạm cấp nước Bình Trung, huyện Châu Thành. (Điều chỉnh tên: Giếng khoan công suất 60 m ³ /giờ, bơm chìm, biến tần, đường ống kỹ thuật trạm cấp nước Bình Trung, H. Châu thành)	Trạm cấp nước Bình Trung, huyện Châu Thành.	Giếng khoan công suất 60m ³ /h, hệ thống lọc áp lực xử lý Asen, sắt công suất 60m ³ /h, móng bồn lọc, hệ thống thoát nước. (Điều chỉnh : Giếng khoan công suất 60m ³ /h, bơm chìm, biến tần, Đường ống kỹ thuật)	1.800	9/2024	Số 5, phụ lục 7, Kh 435//KH-UBND. Trạm cấp nước Bình Trung có 4 giếng khoan, 03 giếng bị sự cố ngưng hoạt động chỉ còn 1 giếng đang hoạt động, gây thiếu nguồn nước cấp nghiêm trọng. Cần bổ sung nguồn thay thế giếng bị hư. Điều chỉnh giảm giá trị từ 2.500 triệu đồng còn 1.800 triệu đồng.
14	Tuyến ống chuyển tải cấp nước sạch HDPE OD250 dọc theo đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ủy ban nhân dân xã An Thái Đông đến Ủy ban nhân dân xã An Thái Đông đến ngã 3 An Thái Trung	Dọc theo đường Quốc lộ 1 đoạn từ đường vào Ủy ban nhân dân xã An Thái Đông đến ngã 3 An Thái Trung	Ống HDPE OD250 -L= 4.100m (Điều chỉnh L= 4.300m và phụ kiện đầu nối).	7.806	12/2024	Số 3, phụ lục 2 vốn ngân sách, Kh 435//KH-UBND: "Tuyến ống chính tiếp nhận nước mặt từ nhà máy nước Hòa Hưng cấp cho khu vực xã An Thái Đông, huyện Cái Bè đang bị thiếu nguồn nước cấp". Điều chỉnh giảm giá trị từ 10.000 triệu đồng giảm còn 7.806 triệu đồng.

PHỤ LỤC II.7: CÔNG TRÌNH XDCB BỔ SUNG NĂM 2024

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Tuyến ống cấp nước D160 HDPE đường kính 877B (đoạn từ tầng áp Bà Từ đến ngã 3 Pháo Đài) xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông.	đường tỉnh 877B (đoạn từ tầng áp Bà Từ đến ngã 3 Pháo Đài) xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông.	Ống HDPE 160, L= 2300 m	1.700	9/2024	

PHỤ LỤC II.8: CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC VÙNG LỒM

	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG GIÁ TRỊ (triệu đồng)	NGÀY HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
1	Tuyến ống cấp nước HDPE D63 Đường đan cấp kênh Hai Thỏ, ấp Mỹ Lược, đường đan cấp kênh Chín Lê kênh đường đan cấp kênh Chín Lê kênh 500, ấp Mỹ Lược - ấp Mỹ Tường, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè.	Đường đan cấp kênh Hai Thỏ, ấp Mỹ Lược, đường đan cấp kênh Chín Lê kênh 500, ấp Mỹ Lược - ấp Mỹ Tường, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè.	Ống HDPE D63 L = 1.050 m và phụ kiện kèm theo	350	9/2024	Số 5, phụ lục 8, Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lôm, dự kiến cấp cho 10 hộ.". Và Số 11, phụ lục 9. Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lôm. dự kiến cấp cho 34 hộ."
2	Tuyến ống cấp nước HDPE D110, D63 đường đan cấp kênh Sáu Thẳng đến kênh 500 và kênh 1000, ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè.	Đường đan cấp kênh Sáu Thẳng đến kênh 500 và kênh 1000, ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè.	Ống HDPE D110 L = 1.000m, D63 L = 1.000m và phụ kiện kèm theo	880	9/2024	Số 37, phụ lục 9. Kh 435//KH-UBND: "Cấp nước vùng lôm, dự kiến cấp cho 7 hộ."

